

Số: 275/2024/QĐST-HNGĐ

Hạ Long, ngày 22 tháng 11 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẠ LONG, TỈNH QUẢNG NINH**

Căn cứ vào khoản 2 Điều 149, Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57; khoản 1, 2 Điều 81; khoản 3 Điều 82 và khoản 2 Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 6 và khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 286/2024/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 10 năm 2024 về việc: “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con khi ly hôn*”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1/ Chị Phạm Thị H, sinh năm 1990

2/ Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1991

Cùng nơi cư trú: tổ A, khu B, phường B, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ hôn nhân: chị Phạm Thị H và anh Nguyễn Văn T tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn ngày 14/3/2014 tại UBND phường B, thành phố H, nên hôn nhân giữa chị H và anh T là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Sau khi kết hôn, chị H và anh T chung sống hạnh phúc đến năm năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi nhau, không còn tình cảm. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không có kết quả. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2023 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay chị H và anh T đều xác định mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng, tình cảm vợ chồng đã hết và cùng có đơn yêu cầu Tòa án công nhận sự thuận tình ly hôn. Xét thấy, việc chị H và anh T thuận tình ly hôn là tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Chị Phạm Thị H và anh Nguyễn Văn T có 02 con chung là Nguyễn Khánh L, sinh ngày 22/4/2014 và Nguyễn Bảo A, sinh ngày 12/3/2018. Nay ly hôn vợ chồng thỏa thuận anh T là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung Nguyễn Khánh L, chị H là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung Nguyễn Bảo A đến khi các con thành niên (đủ 18 tuổi). Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Xét thấy, việc thỏa thuận nêu trên của chị H và anh T là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại các khoản 1, 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82 và khoản 2 Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: chị Phạm Thị H và anh Nguyễn Văn T không có tài sản chung, không có công nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Việc thỏa thuận nêu trên giữa chị H và anh T là tự nguyện, phù hợp với quyền tự quyết định và định đoạt của đương sự quy định tại Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về lệ phí Tòa án: Anh chị thỏa thuận chị H có nghĩa vụ nộp toàn bộ lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*), phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 149 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 6 và khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đã hết thời hạn 07(*bảy*) ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành (ngày 14/11/2024), không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: chị Phạm Thị H và anh Nguyễn Văn T thuận tình ly hôn.

- Về con chung: anh T là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung Nguyễn Khánh L, chị H là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung Nguyễn Bảo A đến khi các con thành niên (đủ 18 tuổi). Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Anh T, chị H không trực tiếp nuôi con, nhưng có quyền qua lại, thăm nom con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: chị Phạm Thị H và anh Nguyễn Văn T không có tài sản chung, không có công nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị Phạm Thị H có nghĩa vụ nộp 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) lệ phí yêu cầu giải quyết việc dân sự sơ thẩm. Nhưng được trừ đi số tiền 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng lệ phí chị H đã nộp theo

biên lai thu số 0001327 ngày 30 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh. Chị H đã nộp đủ lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- *Đương sự;*
- *VKSND TP.Hạ Long;*
- *TAND tỉnh Quảng Ninh;*
- *Chi cục THADS TP. Hạ Long;*
- *UBND phường Bãi Cháy, thành phố Hạ Long;*
- *Lưu: Hồ sơ việc dân sự.*

**THẨM PHÁN**

**Nguyễn Thị Định**